| | |
|---|---|
| **TÒA ÁN NHÂN DÂN**<br>**HUYỆN THỐNG NHẤT**<br>**TỈNH ĐỒNG NAI** | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**<br>**Độc lập - Tự do - H phúc** |

Bản án số: **58/**2023/HNGĐ-ST
Ngày: 13 - 9 - 2023
*V/v: "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con Chia tài sản khi ly hôn"*

**NHÂN DÔNG**
**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THỐNG NHẤT, TỈNH ĐỒNG NAI**

***- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa*: Bà Hoàng Thị Lan

*Các Hội thẩm nhân dân*: Ông Trần Sóng Thành

Ông Nguyễn Văn Lộc

- *Thư ký phiên tòa*: Ông Hà Văn Tuấn là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Thống Nhất, tỉnh Đồng Nai.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thống Nhất, tỉnh Đồng Nai tham gia phiên tòa*: Bà Lê Thị Hằng - Kiểm sát viên.

Ngày 13 tháng 9 năm 2023, tại Hội trường B - Tòa án nhân dân huyện Thống Nhất, tỉnh Đồng Nai xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân gia đình thụ lý số 146/2022/TLST-HNGĐ ngày 15 tháng 12 năm 2022, về việc *"Ly hôn, trông chấp về nuôi con, chia tài sản khi ly hôn"* theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 68/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 28 tháng 8 năm 2023, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn*: Bà **Đỗ Thị H**, sinh năm: 1981.

Địa chỉ: Số 104, tổ 2, khu phố P, thị trấn D, huyện Thống Nhất, tỉnh Đồng Nai.

- *Bị đơn*: Ông **Nguyễn Văn T**, sinh năm: 1977.

HKTT: Số 104, tổ 2, khu phố P, thị trấn D, huyện Thống Nhất, tỉnh Đồng Nai.

Địa chỉ liên lạc: Số 165, tổ 4, khu phố P, thị trấn D, huyện Thống Nhất, tỉnh Đồng Nai.

*(Bà H và ông T có mặt)*

## NỘI DUNG VỤ ÁN:

**** Tại đơn khởi kiện đề ngày 26 tháng 12 năm 2022, ngày 22/3/2023, trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa nguyên đơn bà Đỗ Thị H trình bày:***

- *Về quan hệ hôn nhân:* Bà H và ông Nguyễn Văn T quen biết tìm hiểu nhau được khoảng 04 năm thì vợ chồng đến UBND xã Bàu Hàm 2, huyện Thống Nhất đăng ký kết hôn vào ngày 19/10/2015. Đây là hôn nhân lần thứ hai của bà H. Hôn nhân lần đầu bà đã được Tòa án nhân dân huyện Thống Nhất cho ly hôn theo quyết định công nhận thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của đương sự số 53/2011/QĐST -HNGĐ ngày 11 tháng 11 năm 2011 của Tòa án nhân dân huyện Thống Nhất.

Vợ chồng chung sống H phúc đến đầu năm 2023 thì phát sinh mâu thuẫn nguyên nhân mẫu thuẫn vợ chồng do bất đồng quan điểm, tính tình không hợp nên thường xuyên xảy ra mâu thuẫn xúc phạm danh dự nhau của nhau. Mặt khác, ông T thường xuyên ghen tuông vô cớ, nghi ngờ bà H ngoại tình. Bà H đã nhiều lần giải thích nhưng ông T không nghe, thậm chí vợ chồng còn xảy ra xô xát.

Nguyên nhân mâu thuẫn một phần do ông T phân biệt đối xử chung, con riêng. Trước khi kết hôn với ông T bà H đã có một đời chồng đã ly hôn, bà H được quyền nuôi dưỡng con chung. Tuy nhiên ông T thường xuyên coi thường, xúc phạm danh dự con riêng của bà H, vu khống con bà H nghiện ma túy, ăn cắp tiền. Do không sống chung được với ông T nên con gái bà H đã về nhà ông bà nội để sống. Bà H đã cố gắng dung hòa để con cái vợ chồng hòa thuận nhưng không thành. Từ tháng 11/2022 đến nay, bà H và ông T tuy sống chung nhà nhưng không quan tâm đến cuộc sống của nhau. Trong thời gian bà H nộp đơn ly hôn tại Tòa án thì vào ngày 24/4/2023 ông T nhiều lần đánh đập xúc phạm bà H, sự việc trên bà H đã trình báo ra công an thị trấn Dầu Giây và được giải quyết. Đồng thời ông T thường hay đe doạ xâm đến tính mạng của bà H và các con, đòi tự tử nên bà H có cảm giác rất lo sợ.

Từ khoảng tháng 2/2023 bà H và ông T đã sống ly thân, ông T về nhà cha mẹ đẻ tại số 165, tổ 4, khu phố Phan Bội Châu, thị trấn Dầu Giây để sinh sống và làm việc. Từ đó đến nay ông T vẫn qua lại nhà, tuy nhiên vợ chồng không nói chuyện với nhau, không quan tâm đến nhau và không thực hiện nghĩa vụ của vợ chồng. Nay nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn, bà H yêu cầu Tòa án giải quyết cho bà H được ly hôn với ông Nguyễn Văn T để ổn định cuộc sống và yên tâm làm ăn.

- *Về con chung:* Vợ chồng chung sống có 02 (hai) con chung là Nguyễn Khánh Vy, sinh ngày 09/5/2018, và Nguyễn Mạnh Khang, sinh ngày 11/12/2015. Khi ly hôn, bà H yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng hai con chung, không yêu cầu ông T cấp dưỡng nuôi con. Hiện tại bà H buôn bán tạp hóa, thu nhập bình quân mỗi tháng 20.000.000đ (hai mươi triệu đồng). Bà H có nhà cửa ổn định.

- Về tài sản chung: Bà H không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về nợ chung: theo bà H, trong thời kỳ hôn nhân, Bà H và ông T có những khoản nợ sau:

+ Nợ chị Đỗ Thị Hương, sinh năm 1977; địa chỉ: số nhà 4, khu phố 5, ấp Hưng Bình, xã Hưng Thịnh, huyện Trảng Bom, tỉnh Đồng Nai nợ số tiền: 100.000.000đ (một trăm triệu đồng);

+ Nợ ông Đỗ Văn Đương, sinh năm 1973; địa chỉ: số 606, tổ 13, ấp Quyền, xã Bàu Hàm 2, huyện Thống Nhất, tỉnh Đồng Nai 20.000.000d (hai mươi triệu đồng), vay năm 2022 không nhớ chính xác ngày tháng.

+ Chị Đỗ Thị Phúc, sinh năm 1983; địa chỉ: Số 391 tổ 12, khu phố Trần Cao Vân, thị trấn Dầu Giây, huyện Thống Nhất, tỉnh Đồng Nai cụ thể số tiền 30.000.000d (ba mươi triệu đồng); Số tiền này vay năm 2022.

+ Nợ bà Nguyễn Thị Hợi, sinh năm 1971 địa chỉ: số nhà 163 tổ 4, khu phố Phan Bội Châu, thị trấn Dầu Giây, huyện Thống Nhất, tỉnh Đồng Nai số tiền 80.000.000d (tám mươi triệu đồng) và 10 chỉ vàng 9999. Ông T khai vợ chồng có nợ bà Hợi 16 chỉ vàng bà H không thừa nhận, bà H chỉ thừa nhận 10 chỉ vàng.

+ Nợ bà Nguyễn Thị Yến, sinh năm 1962 và ông Đào Văn Minh, sinh năm 1962; địa chỉ: số 165 tổ 4, khu phố Phan Bội Châu, thị trấn Dầu giây, huyện Thống Nhất, tỉnh Đồng Nai 10 chỉ vàng 9999 chứ không phải 14 chỉ vàng 9999 như khai của ông Nguyễn Văn T.

+ Nợ bà Đỗ Thị Hà, sinh năm 1975; địa chỉ: số nhà 418, tổ 9, ấp Ngô Quyền, xã Bàu Hàm 2, huyện Thống Nhất, tỉnh Đồng Nai 30.000.000d (ba mươi triệu đồng).

+ Nợ ngân hàng Agribank số tiền 150.000.000d (một trăm năm mươi triệu đồng).

Bà H yêu cầu Tòa án chia đôi số nợ trên, bà H đồng ý thanh toán ½ khoản nợ chung của vợ chồng.

**** Tại bản tự khai đề ngày 26/12/2022, 14/02/2023, 14/3/2023; biên bản lấy lời khai ngày 26/12/2022 và trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa bị đơn ông Nguyễn Văn T trình bày:***

- *Về quan hệ hôn nhân:* Ông T và bà H quen biết, tìm hiểu yêu thương nhau khoảng hơn 04 năm thì tự nguyện đi đến đăng hôn và được được UBND xã Bàu Hàm 2, huyện Thống Nhất cấp giấy chứng nhận kết hôn vào ngày 19/10/2015. Đây là hôn nhân lần thứ ba của ông T. Hôn nhân lần đầu của ông T đã được Tòa án nhân dân huyện Thống Nhất (cũ), tỉnh Đồng Nai giải quyết cho ly hôn tuy nhiên thời gian quá lâu nên ông T không nhớ thời gian ly hôn. Hôn nhân lần thứ hai ông T được Tòa án nhân dân huyện Thống Nhất cho ly hôn theo quyết định công  nhận thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của đương sự số 82/2010/QĐST – HNGĐ ngày 09/8/2010.

Sau khi kết hôn vợ chồng cùng sống chung với nhau tại số 104, tổ 2, khu phố Phan Bội Châu, thị trấn Dầu Giây, huyện Thống Nhất, tỉnh Đồng Nai. Thời gian đầu vợ chồng chung sống H phúc. Mâu thuẫn vợ chồng phát sinh khoảng cuối tháng 12/2022, nguyên nhân phát sinh mâu thuẫn là do vợ chồng bất đồng quan điểm trong việc dạy dỗ con cái, cụ thể trong việc dạy dỗ con riêng của vợ. Theo ông T bà H thường xuyên nuông chiều con riêng dẫn đến con bị hư hỏng, sử dụng trái phép chất ma túy. Mỗi lần con riêng của bà H cần gì cụ thể như điện thoại, xe cộ học hành ông và bà H đều chu cấp đầy đủ, tuy nhiên đến thời điểm cháu bị nghiện ma túy và yêu cầu quá mức nên ông T có lên tiếng nhắc nhở nhưng bà H không nghe. Sau khi ông T góp ý thì bà H cho rằng ông phân biệt đối xử và tự ái, dẫn đến vợ chồng bất đồng quan điểm, lớn tiếng chửi bởi xúc phạm nhau, bà H nhiều lần còn thách thức ông ly hôn.

Mặt khác, một phần nguyên nhân mâu thuẫn do bà H có ghi số đề, ông T ngăn cấm nhiều lần nhưng không được nên đã trình báo ra công an thị trấn Dầu Giây để giải quyết. Đến tháng 11/2022 vợ chồng xảy ra mâu thuẫn, bà H có nộp đơn ly hôn đến Tòa án, sau đó cán bộ Tòa án có hòa giải về đoàn tụ được một thời gian ngắn. Đến giữa tháng 12/2022 khi ông T phát hiện bị mất tiền thì có hỏi bà H nhưng bà H nói không lấy, ông T có nói "Mất tiền thì chỉ có người nhà lấy thôi" nên vợ chồng lại tiếp tục xảy ra mâu thuẫn chửi bới, xúc phạm danh dự của nhau. Sau đó bà H tiếp tục nộp đơn ly hôn lên Tòa án.

Ông T thừa nhận trong thời gian chờ làm thủ tục ly hôn tại Tòa án thì vào ngày 24/4/2023 ông T và bà H tiếp tục xảy ra mâu thuẫn. Bà H có gây gổ với ông T và ông T có đưa tay ra phòng vệ chứ không đánh đập bà H như lời khai của bà H tại Tòa án.

Nay bà H yêu cầu ly hôn thì ông T không đồng ý vì ông xác định vẫn còn thương vợ con, ông muốn Tòa án tiến hành hòa giải để vợ chồng về đoàn tụ.

- *Về con chung:* Ông T thừa nhận, vợ chồng chung sống có 02 con chung tên là cháu Nguyễn Mạnh Khang, sinh ngày 11/12/2015 và Nguyễn Khánh Vy, sinh ngày 09/5/2018. Trong quá trình làm việc tại Tòa án, ông T đồng ý giao cháu Khang và cháu Vy cho bà H nuôi dưỡng và giáo dục. Ông T không cấp dưỡng nuôi con do bà H không yêu cầu. Tại phiên tòa, ông T xác định không đồng ý ly hôn nên không có ý kiến về con chung. Theo ông T xác định hiện tại ông không có điều kiện như nhà cửa, thời gian để nuôi con.

- *Về tài sản chung*: Ngày 09/02/2023 ông Nguyễn Văn T có đơn khởi kiện về chia tài sản chung của vợ chồng trong thời kỳ ly hôn là căn nhà cấp 4 trên diện tích đất 208 $m^2$ tại thửa đất số 112, tờ bản đồ số 75, tọa lạc tại thị trấn Dầu Giây, huyện Thống Nhất, tỉnh Đồng Nai, ước tính giá trị khoảng 200.000.000đ (Hai trăm triệu đồng). Ông T yêu cầu được nhận ½ tài sản chung bằng giá trị, ông đồng ý giao tài sản trên cho bà H quản lý, sử dụng. Ông T yêu cầu bà H có nghĩa vụ thanh toán trả cho ông T số tiền 100.000.000đ (Một trăm triệu đồng).

Ngày 06/6/2023 ông Nguyễn Văn Ty có đơn xin rút yêu cầu chia tài sản.

- *Về nợ chung:* Theo ông T, trong quá trình chung sống, vợ chồng có khoản nợ sau:

+ Nợ chị Đỗ Thị Hương, sinh năm 1977; địa chỉ: số nhà 4, khu phố 5, ấp Hưng Bình, xã Hưng Thịnh, huyện Trảng Bom, tỉnh Đồng Nai nợ số tiền: 100.000.000d (một trăm triệu đồng);

+ Nợ ông Đỗ Văn Đương, sinh năm 1973; địa chỉ: số 606, tổ 13, ấp Ngô Quyền, xã Bàu Hàm 2, huyện Thống Nhất, tỉnh Đồng Nai 20.000.000d (hai mươi triệu đồng);

+ Chị Đỗ Thị Phúc, sinh năm 1983; địa chỉ: Số 391 tổ 12, khu phố Trần Cao Vân, thị trấn Dầu Giây, huyện Thống Nhất, tỉnh Đồng Nai cụ thể số tiền 15.000.000d (mười lăm triệu đồng);

+ Nợ bà Nguyễn Thị Hợi, sinh năm 1971 (chưa xác định được năm sinh); địa chỉ: số nhà 163 tổ 4, khu phố Phan Bội Châu, thị trấn Dầu Giây, huyện Thống Nhất, tỉnh Đồng Nai số tiền 80.000.000d (tám mươi triệu đồng) và 16 chỉ vàng 9999.

+ Nợ bà Nguyễn Thị Yến, sinh năm 1962 và ông Đào Văn Minh, sinh năm 1962; địa chỉ: số 165 tổ 4, khu Bội Châu, thị trấn Dầu Giây, huyện Thống Nhất, tỉnh Đồng Nai 14 chỉ vàng 9999.

+ Nợ ngân hàng Agribank số tiền còn lại 150.000.000d (một trăm năm mươi triệu đồng).

Khi ly hôn, ông T có ý kiến chia đôi khoản nợ trên, ông T đồng ý thanh toán ½ số nợ (BL 62).

Ngày 06/6/2023 ông T có ý kiến đồng ý giao toàn bộ tài sản chung của vợ chồng cho bà Đỗ Thị H quản lý sử dụng và yêu cầu bà H phải thanh toán toàn bộ khoản nợ nêu trên (BL 80).

** Tại văn bản số 254/CV – NHNo.TN ngày 29/06/2023 về việc ghi ý kiến theo thông báo số 02/2023/T – TA Ngân hàng Nông nghiệp phát triển nông thôn Việt Nam – chi nhánh huyện Thống Nhất trình bày:*

Ngân hàng Nông nghiệp và phát triển nông thôn Việt Nam (Agribank) chi nhánh huyện Thống Nhất, Đồng Nai – PGD Dầu Giây có ký hợp đồng tín dụng số 5915LAV202100771 ngày 12/04/2021 với (bà) Đỗ Thị H, CMND số 271402447, và (ông) Nguyễn Văn Ty CMND số: 271187845, địa chỉ: 104 tổ 2 KP Phan Bội Châu, thị trấn Dầu

Giây, huyện Thống Nhất, tỉnh Đồng Nai, với số tiền vay là: 200.000.000 đồng (bằng chữ: Hai trăm triệu đồng).

Quá trình thực hiện hợp đồng tín dụng vẫn đang trả nợ tốt, bà H và ông T đã thanh toán cho Ngân hàng với số tiền gốc đến (tháng 6/2023) là: 86,580,000 đồng và lãi: 34,571,000 đồng, hiện còn dư nợ gốc là: 113,420,000 đồng (bằng chữ: Một trăm mười một triệu bốn trăm hai mươi ngàn đồng), tiền lãi phát sinh.

Nay bà H và ông T đang khởi kiện ly hôn tại Tòa án nhân dân huyện Thống Nhất, phía Ngân hàng không có ý kiến gì. Ngân hàng không yêu cầu Tòa án giải quyết nợ trong vụ án này. Đặt trường hợp sau này ông T, bà H không thực hiện nghĩa vụ trả nợ như cam kết trong hợp đồng tín dụng thì Ngân hàng sẽ khởi kiện bằng một vụ án khác.

** Tại bản tự khai ngày 25/5/2023 bà Đỗ Thị Hà trình bày:*

Tôi là chị gái ruột của bà H. Vào thời điểm tháng 5/2022 tôi có cho bà H và ông T mượn số tiền 30.000.000đ (ba mươi triệu đồng). Nay bà H và ông T ly hôn tại Tòa án, tôi không yêu cầu đòi nợ trong vụ án này. Trường hợp sau này bà H và ông T không thanh toán tôi sẽ khởi kiện bằng một vụ án khác.

** Tại bản tự khai ngày 25/5/2023 bà Đỗ Thị Phúc trình bày:*

Tôi là em ruột của bà H. Vào thời điểm tháng 5/2022 tôi có cho bà H và ông T mượn số tiền 30.000.000đ (ba mươi triệu đồng). Nay bà H và ông T ly hôn tại Tòa án, tôi không yêu cầu đòi nợ trong vụ án này. Trường hợp sau này bà H và ông T không thanh toán tôi sẽ khởi kiện bằng một vụ án khác.

** Tại Biên bản lấy lời khai ngày 07/7/2023 bà Đỗ Thị Hương trình bày:*

Tôi là chị em ruột của bà H. Bà H và ông T có vay tôi một khoản tiền. Do bà H còn khó khăn nên tôi không yêu cầu bà H và ông T trả khoản nợ cho tôi trong vụ án này. Trường hợp sau này bà H và ông T không thanh toán tôi sẽ khởi kiện bằng một vụ án khác.

** Tại Biên bản lấy lời khai ngày 07/7/2023 bà Đỗ Văn Đương trình bày:*

Tôi là anh ruột của bà H. Bà H và ông T có vay tôi một khoản tiền. Do bà H còn khó khăn nên tôi không yêu cầu bà H và ông T thanh toán cho tôi tại thời điểm này. Trường hợp sau này bà H và ông T không thanh toán tôi sẽ khởi kiện bằng một vụ án khác.

** Tại Biên bản lấy lời khai ngày 16/6/2023 bà Nguyễn Thị Hợi trình bày:*

Bà H và ông T có vay tôi số tiền 80.000.000đ (tám mươi triệu đồng) và 16 chỉ vàng 9999. Hiện tại tôi chưa khởi kiện bà H và ông T trong vụ án này. Trường hợp sau này bà H và ông T không thanh toán tôi sẽ khởi kiện bằng một vụ án khác.

** Tại Biên bản lấy lời khai ngày 04/7/2023 bà Nguyễn Thị Yến và ông Đào Văn Minh trình bày:*

Bà H và ông T có vay tôi 14 chỉ vàng 9999. Hiện tại tôi chưa khởi kiện bà H và ông T trong vụ án này. Trường hợp sau này bà H và ông T không thanh toán tôi sẽ khởi kiện bằng một vụ án khác.

**** Ý kiến của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thống Nhất, tỉnh Đồng Nai:***

- *Về việc chấp hành pháp luật tố tụng*: Thẩm phán, Thư ký, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng kể từ khi thụ lý vụ án được thực hiện đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

- *Về nội dung vụ án*: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

+ *Về quan hệ hôn nhân:* Bà Đỗ Thị H được ly hôn với ông Nguyễn Văn T.

+ *Về con chung:* Vợ chồng chung sống có 02 con chung tên là cháu Nguyễn Mạnh Khang, sinh ngày 11/12/2015 và cháu Nguyễn Khánh Vy, sinh ngày 09/5/2018. Giao các con chung là cháu Nguyễn Mạnh Khang và cháu Nguyễn Khánh Vy cho bà H trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục, tạm thời ông T không phải cấp dưỡng nuôi con do bà H không yêu cầu.

+ *Về tài sản chung:* Đình chỉ yêu cầu về chia tài sản chung vợ chồng khi ly hôn.

+ *Nợ chung:* Không xem xét giải quyết.

+ *Về án phí:* Buộc bà H phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định.

Kiểm sát viên không kiến nghị khắc phục hay bổ sung gì khác.

## NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

**[1] Về tố tụng:**

[1.1] *Về quan hệ pháp luật trông chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án*: Nguyên đơn khởi kiện yêu cầu *"Ly hôn, trông chấp nuôi con",* bị đơn khởi kiện *"chia tài sản khi ly hôn"* căn cứ quy định tại khoản 1 Điều 28 của Bộ luật Tố tụng dân sự xác định quan hệ pháp luật tranh chấp trong vụ án này là "*Ly hôn, trông chấp nuôi con, chia tài sản khi ly hôn"*. Bị đơn ông Nguyễn Văn T hiện đang cư trú tại số 165, tổ 4, khu phố Phan Bội Châu, thị trấn Dầu Giây, huyện Thống Nhất, tỉnh Đồng Nai, nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Thống Nhất, tỉnh Đồng Nai theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng Dân sự.

**[2] Về nội dung vụ án:**

[2.1] *Về quan hệ hôn nhân*: Bà Đỗ Thị H và ông Nguyễn Văn T tiến tới hôn nhân trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn và được UBND xã Bàu Hàm 2, huyện Thống Nhất cấp giấy chứng nhận kết hôn vào ngày 19/10/2015. Căn cứ các Điều 8, 9 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014, quan hệ hôn nhân của bà H và ông T là hôn nhân hợp pháp.

*Về yêu cầu ly hôn của bà H với ông T, Hội đồng xét xử nhận thấy:* Xét yêu cầu xin ly hôn của bà H, Hội đồng xét xử nhận thấy: Bà H, ông T tự nguyện yêu thương nhau và đi đến kết hôn, cuộc sống vợ chồng chung sống H phúc đến khoảng cuối năm 2022 đầu năm 2023 thì phát sinh nhiều mâu thuẫn. Nguyên nhân chủ yếu là do bất đồng quan điểm trong cách dạy dỗ con cái. Bà H cho rằng ông T nhiều lần đánh đập xúc phạm bà H mỗi lần vợ chồng xảy ra mâu thuẫn.

Quá trình giải quyết vụ án ông T trình bày nguyên nhân phát sinh mâu thuẫn là do vợ chồng bất đồng quan điểm trong việc dạy dỗ con cái, cụ thể trong việc dạy dỗ con riêng của vợ. Theo ông T bà H nuông chiều con riêng dẫn đến hư hỏng, ông T góp ý thì bà H cho rằng ông phân biệt đối xử và tự ái, dẫn đến vợ chồng bất đồng quan điểm, lớn tiếng chửi bởi xúc phạm nhau, bà H nhiều lần còn thách thức ông T ly hôn.

Quá trình ly thân giữa ông bà cũng không còn sự quan tâm, chăm sóc lẫn nhau mà thường xuyên gây gổ, tranh cãi làm cho mâu thuẫn vợ chồng thêm căng thẳng. Theo kết quả xác minh ngày 20/6/2023, đại diện Công an thị trấn Dầu Giây cho biết bà H và ông T trong thời gian chờ làm thủ tục ly hôn tại Tòa án thường xuyên xảy ra cãi vã, chửi bới, xúc phạm dông dự nhau. Cụ thể vào ngày 24/4/2023 công an thị trấn Dầu Giây có lập biên bản làm việc đối bà H, ông T vì có hành vi mâu thuẫn, chửi bới, xô xát gây mất trật tự của địa phương.

Mặt khác, vào ngày 01/11/2022 bà Đỗ Thị H đã từng nộp đơn ly hôn tại Tòa án nhân dân huyện Thống Nhất. Sau khi hòa giải bà H đã rút đơn khởi kiện để vợ chồng đoàn tụ theo quyết định đình chỉ giải quyết vụ án số 08/2022/QĐST – HNGĐ ngày 10/11/2022 của Tòa án nhân dân huyện Thống Nhất nhưng chỉ được vài tuần bà H lại tiếp tục nộp đơn ly hôn tại Tòa án. Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án nhân dân huyện Thống Nhất cũng đã tiến hành hòa giải, động viên bà H, ông T hàn gắn, đoàn tụ nhưng không thành. Hội đồng xét xử nhận thấy tình trạng hôn nhân của bà H và ông T không H phúc, cuộc sống vợ chồng đã thiếu sự tôn trọng, yêu thương lẫn nhau, bạo lực gia đình nên hôn nhân đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không còn, mục đích hôn nhân không đạt được, do vậy căn cứ các Điều 51, 56 của Luật Hôn nhân và gia đình chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà H.

[2.2] Về nuôi con chung: Vợ chồng chung sống có 02 con chung tên là cháu Nguyễn Mạnh Khang, sinh ngày 11/12/2015 và cháu Nguyễn Khánh Vy, sinh ngày 09/5/2018. Hiện tại các con chung đang sống cùng bà H tại thị trấn Dầu Giây, huyện Thống Nhất, tỉnh Đồng Nai. Ý kiến của bà H yêu cầu trực tiếp nuôi dưỡng cháu Khang và cháu Vy sau khi ly hôn. Tại phiên tòa, ông T không có ý kiến về con chung do không đồng ý ly hôn tuy nhiên ông T khai hiện tại không có đủ điều kiện (nhà ở, thời gian) để nuôi con chung. Xét thấy quá trình vợ chồng chị H và anh T xảy ra mâu thuẫn phải sống ly thân, hai con chung đều do bà H trực tiếp nuôi dưỡng, mặt khác theo nguyện vọng của cháu K được trực tiếp sống chung với chị H. Bà H có nghề nghiệp và thu nhập ổn định.

Nhận thấy, bà H có đủ điều kiện chăm sóc, nuôi dưỡng con chung và cũng phù hợp với nguyện vọng của con chung trên 07 (bảy) tuổi. Do đó, để đảm bảo điều kiện phát triển bình thường, khỏe mạnh về thể chất và tinh thần, không làm xáo trộn cuộc sống hiện tại của con trẻ, cần tiếp tục giao cháu Nguyễn Mạnh K, sinh ngày 11/12/2015 và cháu Nguyễn Khánh V, sinh ngày 09/5/2018 cho bà H trực tiếp nuôi dưỡng là phù hợp với quy định pháp luật.

[2.3] Về cấp dưỡng nuôi con: Bà H không yêu cầu ông T cấp dưỡng nuôi con nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[2.4] Về tài sản chung: Vào ngày 06/6/2023 ông T có đơn xin rút yêu cầu về chia tài sản khi ly hôn nên Đình chỉ yêu cầu chia tài sản khi ly hôn giữa ông Nguyễn Văn T và bà Đỗ Thị H.

[2.5] Về nợ chung: Trong quá trình giải quyết vụ án. Ông T khai vợ chồng có nợ chị Đỗ Thị H, nợ ông Đỗ Văn Đ, chị Đỗ Thị P, nợ bà Nguyễn Thị H, nợ bà Nguyễn Thị Y, sinh năm 1962 và ông Đào Văn M, Nợ ngân hàng Agribank (BL 63). Bà Đỗ Thị H khai ngoài những người mà ông T khai trên thì còn nợ thêm bà Đỗ Thị H (BL 63). Qúa trình giải quyết vụ án, bà H, ông Đ, bà P, bà H, bà Y, ông M, bà H, Ngân hàng Agribank có ý kiến không khởi kiện trong vụ án này nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

**[3]** Về án phí: Nguyên đơn bà Đỗ Thị H phải chịu án phí Hôn nhân gia đình sơ thẩm theo quy định tại khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Ông Nguyễn Văn T được hoàn lại số tiền Tạm ứng án phí chia tài sản khi ly hôn theo quy định của pháp luật.

**[4]** Xét đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thống Nhất về đường lối giải quyết vụ án là phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên chấp nhận.

**[5]** Về quyền kháng cáo: Các đương sự được quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

*Vì các lẽ trên,*

## QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 28, 35, 39, 147, 227, 235 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

Áp dụng các Điều Áp dụng các Điều 8, 9, 51, 56, 81, 82, 83 và 84 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội;

***Tuyên xử:*** Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Đỗ Thị H về việc *"Ly hôn, tranh chấp về nuôi con"*.

**1.** *Về quan hệ hôn nhân:* Bà Đỗ Thị H được ly hôn với ông Nguyễn Văn T.

**2.** *Về nuôi con chung:* Giao cháu Nguyễn Mạnh K, sinh ngày 11/12/2015 và cháu Nguyễn Khánh V, sinh ngày 09/5/2018 cho bà Đỗ Thị H trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục.

2.1. *Về nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con:* Tạm thời ông Nguyễn Văn T không phải cấp dưỡng nuôi con do bà Đỗ Thị H không yêu cầu.

Ông Nguyễn Văn T có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở, vì lợi ích của con khi cần thiết các đương sự được quyền xin thay đổi người trực tiếp nuôi con và mức cấp dưỡng nuôi con.

**3.** *Về tài sản chung*: Đình chỉ yêu cầu chia tài sản khi ly hôn của ông Nguyễn Văn T.

**4.** *Về nợ chung:* Không xem xét, giải quyết.

**5**. *Về án phí*: Bà H phải nộp 300.000đ án phí sơ thẩm được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0009119 ngày 15 tháng 12 năm 2022 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Thống Nhất, tỉnh Đồng Nai. Bà H đã nộp đủ án phí.

Hoàn trả lại cho ông Nguyễn Văn T số tiền 2.500.000đ (Hai triệu năm trăm nghìn đồng) tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0009231 ngày 22 tháng 02 năm 2023 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Thống Nhất, tỉnh Đồng Nai.

**6.** *Về quyền kháng cáo*: Nguyên đơn, bị đơn được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng

chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án Dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án Dân sự.

***Nơi nhận:***
- Các đương sự;
- VKSND huyện Thống Nhất;
- THADS huyện Thống Nhất;
- UBND xã Bàu Hàm 2, huyện Thống Nhất;
(Giấy CNKH số 153/2015);
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**
**THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Hoàng Thị Lan**